

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 4 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 001

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn 1 phương án đúng.

Câu 1: Ranh giới ngoài của bộ phận nào sau đây ở nước ta là biên giới quốc gia trên biển?

- A. Lãnh hải. B. Vùng đặc quyền kinh tế.
C. Vùng tiếp giáp lãnh hải. D. Nội thủy.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

(Đơn vị: Nghìn người)

Tỉnh	Hải Dương	Bắc Giang	Khánh Hòa	Đồng Tháp
Số dân	1807,5	1691,8	1232,4	1693,3
Số dân thành thị	456,8	194,5	555,0	300,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2018?

- A. Khánh Hòa thấp hơn Hải Dương.
B. Đồng Tháp cao hơn Bắc Giang.
C. Bắc Giang cao hơn Khánh Hòa.
D. Hải Dương thấp hơn Đồng Tháp.

Câu 3: Khí hậu khu vực duyên hải miền Trung có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mùa mưa lệch về thu đông. B. Mưa nhiều vào đầu mùa hạ.
C. Nhiệt độ thấp nhất cả nước. D. Khô hạn trong cả mùa đông.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm của đai nhiệt đới gió mùa chân núi ở nước ta?

- A. Giới hạn trên của đai ở miền Bắc cao hơn miền Nam.
B. Khí hậu mát mẻ và nhiệt độ các tháng thấp dưới 25°C.
C. Sinh vật nhiệt đới với thành phần loài rất phong phú.
D. Đất feralit chiếm diện tích lớn và phân bố ở ven biển.

Câu 5: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí

- A. nằm tại nơi giao tranh của các khối khí.
B. nằm ở vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc
C. nằm trong hoàn lưu gió mùa châu Á.
D. tiếp giáp vùng biển nhiệt đới rộng lớn.

Câu 6: Hoạt động nào sau đây được tiến hành chủ yếu ở rừng đặc dụng của nước ta?

- A. khôi phục hệ sinh thái, nuôi gia cầm.
B. bảo tồn thiên nhiên, du lịch sinh thái.
C. khai thác lâm sản, bảo vệ nguồn gen.
D. trồng dược liệu, nghiên cứu khoa học.

Câu 7: Ô nhiễm không khí ở vùng nông thôn chủ yếu do

- A. khói bụi phương tiện cơ giới. B. khí thải từ khu công nghiệp
C. đốt phế phẩm nông nghiệp. D. công nghiệp điện tử, tin học.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta (từ dãy Bạch Mã trở vào)?

- A. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo.
B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C
C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.
D. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt.

Câu 9: Thuận lợi chủ yếu của dân số đông đối với sự phát triển kinh tế nước ta là

- A. nhiều đô thị quy mô lớn, nguồn lao động trẻ khỏe.
- B. trình độ lao động cao, thu hút nhiều nguồn đầu tư.
- C. lao động nhiều kinh nghiệm, nhu cầu phong phú.
- D. nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.

Câu 10: Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên ở nước ta đã tạo ra

- A. các vùng sản xuất quy mô lớn, cấu trúc địa hình đa dạng.
- B. nhiều vùng kinh tế trọng điểm, các miền địa lí tự nhiên.
- C. sự phân hóa về dân cư, thể mạnh khác nhau giữa vùng.
- D. một số loại hình thiên tai, nhiều sản phẩm nông nghiệp.

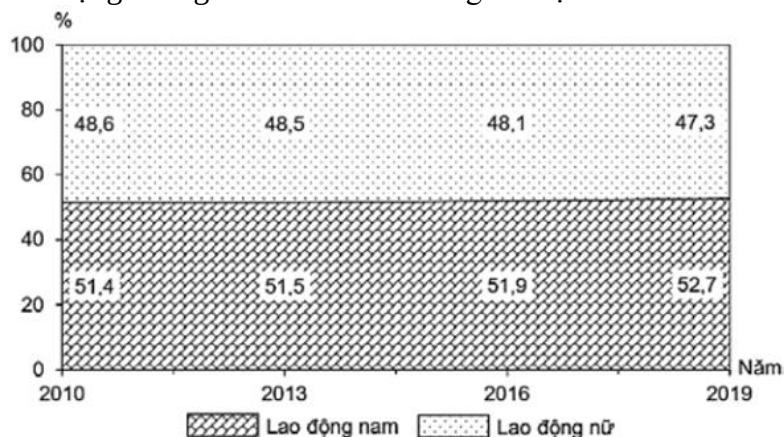
Câu 11: Vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến, gần trung tâm gió mùa châu Á nên khí hậu nước ta có

- A. nhiệt độ cao và có sự phân hóa theo thời gian.
- B. lượng mưa nhiều và nhiệt độ có sự phân mùa
- C. độ ẩm cao và chịu ảnh hưởng bởi Tín phong.
- D. bức xạ Mặt trời lớn, cân bằng ẩm luôn dương.

Câu 12: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. gió mùa Tây Nam.
- B. gió phơn Tây Nam.
- C. gió mùa Đông Bắc.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 13: Cho biểu đồ về lao động theo giới tính của nước ta giai đoạn 2010-2019



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ phát triển lao động theo giới tính.
- B. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo giới tính.
- C. Quy mô và cơ cấu lao động theo giới tính.
- D. Quy mô và cơ cấu lao động theo giới tính.

Câu 14: Gió mùa Đông Bắc có thể xâm nhập sâu vào miền Bắc nước ta chủ yếu do yếu tố nào sau đây?

- A. Nằm gần vị trí của áp cao Xibia.
- B. Hướng các dãy núi ở Đông Bắc.
- C. Vị trí nằm ở xa vùng xích đạo.
- D. Địa hình chủ yếu đồi núi thấp.

Câu 15: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Số tháng có nhiệt độ trên 20°C ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội.
- B. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
- C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội nhỏ hơn TP. Hồ Chí Minh.
- D. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 16: Lao động nông thôn nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở ngành dịch vụ.
- B. có số lượng lớn hơn khu vực đô thị.
- C. đều đạt được mức thu nhập rất cao.
- D. phần nhiều đã được đào tạo bài bản.

Câu 17: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khác với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở những đặc điểm nào sau đây?

- A. Ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc giảm, tính nhiệt đới tăng dần.
- B. Địa hình núi ưu thế, có nhiều cao nguyên và lòng chảo giữa núi.
- C. Đồi núi thấp chiếm ưu thế, gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.
- D. Mùa hạ chịu tác động mạnh của Tín phong, có đủ ba đai cao.

Câu 18: Dân số nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở các đô thị lớn.
- B. phân bố chủ yếu ở vùng ven biển.
- C. có tỉ suất sinh thô nhỏ hơn tử thô.
- D. có tốc độ già hóa dân số nhanh.

PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d), ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là đặc điểm cơ bản và nổi bật nhất của tự nhiên Việt Nam vừa phản ánh bản chất của tự nhiên Việt Nam, vừa có tác động sâu sắc đến các thành phần tự nhiên khác. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện trong tất cả các thành phần và cảnh quan tự nhiên với mức độ khác nhau trong đó khí hậu là thành phần thể hiện rõ rệt nhất.

- a) Đặc điểm nổi bật nhất của tự nhiên Việt Nam là tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.
- b) Khí hậu là thành phần tự nhiên thể hiện rõ nhất tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta.
- c) Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta chỉ thể hiện ở yếu tố của khí hậu.
- d) Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu nước ta do hình dáng lãnh thổ quy định.

Câu 2. Dựa vào bảng số liệu

DÂN SỐ TRUNG BÌNH PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

(Đơn vị: triệu người)

Năm/dân số	2010	2021
Tổng số	87067	98505
Dân số nam	43063	49093
Dân số nữ	44004	49412

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a) Năm 2021, quy mô dân số nước ta có tăng 1,13 lần so với năm 2010.
- b) Dân số nữ tăng nhanh hơn dân số nam.
- c) Năm 2021, tỉ trọng dân số nam lớn dân số nữ.
- d) Để thể hiện quy mô và cơ cấu giới tính nước ta năm 2010 và 2021, biểu đồ miền là thích hợp nhất.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Phần đất liền của nước ta trải dài trên nhiều vĩ độ, phía Bắc gần với chí tuyến Bắc, phía Nam gần đường Xích đạo. Lãnh thổ nước ta hẹp ngang đường bờ biển dài 3260 km kéo dài từ Móng Cái tới Hà Tiên. Hình dạng lãnh thổ của phần đất liền có ảnh hưởng lớn tới các thành phần tự nhiên nước ta.

- a) Phần đất liền trải dài trên nhiều vĩ độ làm cho Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có nhiệt độ trung bình năm khác nhau.
- b) Phía Nam nằm gần đường Xích đạo nên có biên độ nhiệt độ trung bình năm tương đối lớn.
- c) Hình dạng lãnh thổ làm cho nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản và sinh vật phong phú.
- d) Phần đất liền và đặc điểm địa hình ở khu vực miền Trung làm cho sông ngòi khu vực này có đặc điểm nhỏ, ngắn và dốc.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Với địa hình đồi núi chiếm ưu thế, thiên nhiên nước ta có sự phân hóa theo độ cao, bao gồm 3 đai cao: đai nhiệt đới gió mùa, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi và đai ôn đới gió mùa trên núi. Mỗi đai cao có những đặc điểm riêng về khí hậu, đất và sinh vật.

- a) Phạm vi đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi của miền Bắc rộng hơn miền Nam.
- b) Đai nhiệt đới gió mùa có nền nhiệt độ cao, mưa ít, nhiều đất feralit và đất phù sa.
- c) Ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi, độ ẩm tăng và nhiệt độ giảm làm cho quá trình feralit yếu dần.
- d) Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở một số khối núi cao và đồ sộ thuộc phần lãnh thổ phía Nam.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

Câu 1. Năm 2021, mật độ dân số của nước ta là 297 người/km², diện tích tự nhiên cùng thời điểm là 331 nghìn km². Quy mô dân số nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu: Lực lượng lao động và tổng số dân của nước ta giai đoạn 2010 – 2021
(Đơn vị: triệu người)

Năm	2010	2015	2021
Tiêu chí			
Lực lượng lao động	50,4	54,3	50,6
Tổng số dân	87,1	92,2	98,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ lệ lực lượng lao động trong tổng số dân của nước ta năm 2021 giảm bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân).

Câu 3. Cho bảng số liệu. Nhiệt độ trung bình năm tại Huế và Hà Nội (°C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Huế	19,7	20,9	23,2	26,0	28,0	29,2	29,4	28,8	27,0	25,1	23,2	20,8
Hà Nội	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

(Nguồn: Trung tâm thông tin và dữ liệu thủy văn Quốc gia)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết, tổng nhiệt độ năm tại Hà Nội cao hơn tổng nhiệt độ năm tại Huế bao nhiêu °C? (Làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

----- **HẾT** -----

Lưu ý: HSHN khuyến khích làm phần III.

ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I-LỚP 12

PHẦN 1.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ 001

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	10	C
2	B	11	A
3	A	12	A
4	C	13	B
5	B	14	B
6	B	15	C
7	C	16	B
8	C	17	C
9	D	18	D

ĐÁP ÁN ĐỀ 003

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	10	B
2	D	11	A
3	B	12	B
4	B	13	B
5	A	14	C
6	B	15	C
7	B	16	C
8	D	17	A
9	A	18	C

PHẦN II.

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	Đ	3	a	Đ
	b	Đ		b	S
	c	S		c	S
	d	S		d	Đ
2	a	Đ	4	a	Đ
	b	S		b	S
	c	S		c	Đ
	d	S		d	S

PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm)

Câu	Đáp án
1	98,3
2	6,49
3	2,4

ĐÁP ÁN ĐỀ 002, 004**PHẦN 1.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ 002

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	C	10	B
2	D	11	A
3	D	12	C
4	C	13	C
5	D	14	C
6	B	15	A
7	C	16	C
8	A	17	C
9	A	18	C

ĐÁP ÁN ĐỀ 004

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	B	10	A
2	A	11	A
3	A	12	D
4	A	13	C
5	C	14	D
6	D	15	C
7	D	16	D
8	C	17	B
9	D	18	A

PHẦN II.

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,50 điểm.
- Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm.

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	Đ	3	a	S

	b	S		b	Đ
	c	S		c	Đ
	d	S		d	S
2	a	Đ	4	a	S
	b	S		b	Đ
	c	Đ		c	Đ
	d	S		d	S

PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm)

Câu	Đáp án
1	0,1
2	2,8
3	8,16